

ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ TRONG VIỆC LỰA CHỌN BẠN ĐỜI CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC, ĐẠI HỌC HUẾ HIỆN NAY

Võ Nữ Hải Yến

Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: haiyen.xhh@gmail.com

Ngày nhận bài: 28/11/2018; ngày hoàn thành phản biện: 21/12/2018; ngày duyệt đăng: 02/7/2019

TÓM TẮT

Bài viết này là một phần của đề tài nghiên cứu khoa học cấp Cơ sở “Định hướng giá trị về tình yêu và hôn nhân của sinh viên trường Đại học Khoa học, Đại học Huế hiện nay” được thực hiện trong năm 2018. Bài viết tập trung phân tích quan niệm của sinh viên về độ tuổi kết hôn phù hợp và người sẽ quyết định cuộc hôn nhân; những định hướng về tiêu chuẩn cụ thể của người bạn đời tương lai như: hoàn cảnh gia đình, trình độ học vấn, nghề nghiệp, thu nhập, ngoại hình, tích cách và phẩm chất đạo đức. Kết quả nghiên cứu cho thấy, sinh viên Trường Đại học Khoa học hiện nay đã có những định hướng khá rõ ràng về các giá trị trong việc lựa chọn người bạn đời tương lai, sự định hướng này có một số khác biệt đáng kể theo giới tính. Bên cạnh những nhận thức mới, quan điểm mới của thế hệ trẻ về tình yêu, hôn nhân và gia đình, nghiên cứu cũng chỉ ra được một số giá trị truyền thống vẫn được duy trì cho tới hiện tại nhằm xây dựng một hệ tiêu chuẩn phù hợp với mỗi cá nhân sinh viên trong quan niệm về lựa chọn người bạn đời tương lai.

Từ khóa: định hướng giá trị, hôn nhân, sinh viên

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo kết quả nghiên cứu của các nhà tâm lý học phát triển, tuổi sinh viên là thời kỳ mà con người phát triển tích cực các loại tình cảm cao cấp như tình cảm trí tuệ, tình cảm đạo đức và tình cảm thẩm mỹ. Họ bắt đầu khao khát và quan tâm đặc biệt đến sự thành đạt trong sự nghiệp, xác định vị thế xã hội, tình yêu và xây dựng cuộc sống gia đình trong tương lai. Do đó, những định hướng trong tình yêu, hôn nhân của lứa tuổi sinh viên có vai trò rất quan trọng và ảnh hưởng mạnh mẽ đến hạnh phúc gia đình sau này vì định hướng giá trị là sơ sở của hành vi, quyết định lối sống của con người. Do đó, việc tìm hiểu định hướng giá trị trong tình yêu và hôn nhân trên khách thể sinh viên - những công dân sắp bước vào đời sống gia đình là điều cần thiết, nó giúp gia đình, nhà trường và cộng đồng nhìn nhận đầy đủ hơn về cuộc sống của nhóm

xã hội này, từ đó, có sự quan tâm đúng mức, góp phần giúp sinh viên có nhận thức, thái độ và hành vi phù hợp để đạt được hạnh phúc trong mối quan hệ cá nhân lẫn đời sống gia đình sau này và góp phần đạt được những thành công khác trong cuộc sống.

Dựa trên kết quả khảo sát của đề tài nghiên cứu khoa học cấp sơ sở “*Định hướng giá trị trong tình yêu và hôn nhân của sinh viên Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế hiện nay*” được thực hiện từ tháng 1/2018 đến tháng 12/2018, bài viết này tập trung trình bày định hướng giá trị trong hôn nhân của sinh viên ở một số khía cạnh sau: quan niệm của sinh viên về độ tuổi kết hôn và người quyết định hôn nhân; sự định hướng của sinh viên về những tiêu chuẩn của người bạn đời tương lai. Bằng phương pháp thu thập thông tin chính như: phân tích tài liệu, phỏng vấn bán cấu trúc và phỏng vấn sâu trong nghiên cứu xã hội học, đề tài này đã tiến hành khảo sát trên 233 sinh viên của năm thứ 1 và năm thứ 4 thuộc 4 khoa: Xã hội học, Công tác xã hội, Công nghệ thông tin và Khoa học môi trường.

2. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

2.1. Quan niệm của sinh viên về độ tuổi kết hôn và người quyết định hôn nhân

Đo lường độ tuổi kết hôn là một chỉ báo quan trọng giúp người nghiên cứu đánh giá khách quan về định hướng hôn nhân của sinh viên Trường Đại học Khoa học hiện nay. Tại điều 5, chương II của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định điều kiện kết hôn, trong đó tuổi được cho phép kết hôn đối với nam là từ 20 trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên. Vậy, trên thực tế, sinh viên Trường Đại học Khoa học quan niệm như thế nào về độ tuổi kết hôn phù hợp hiện nay?

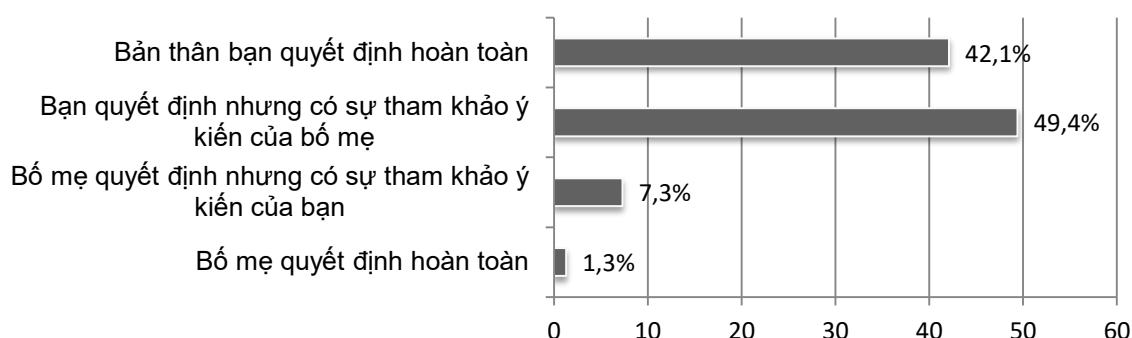
Bảng 1. Quan niệm của sinh viên về độ tuổi kết hôn phù hợp (đơn vị: tuổi)

	Nam	Nữ
Tuổi trung bình	27,3	24,3
Tuổi nhỏ nhất	18	16
Tuổi lớn nhất	37	32

Kết quả xử lý số liệu ở bảng 1 cho thấy, sinh viên Trường Đại học Khoa học cho rằng, độ tuổi trung bình phù hợp để kết hôn hiện nay là 27,3 tuổi đối với nam và 24,3 đối với nữ. Tuổi cao nhất để có thể kết hôn mà sinh viên đưa ra đối với nữ là 32 và đối với nam là 37; tuổi thấp nhất đối với nữ là 16 và đối với nam là 18 (thấp hơn 2 tuổi so với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình). Yếu tố giới cũng ảnh hưởng khá rõ trong quan niệm về độ tuổi kết hôn khi đa số đều cho rằng nam giới sẽ kết hôn muộn hơn nữ giới từ 3-5 tuổi. Như vậy, phần lớn sinh viên đều xác định sẽ kết hôn vào thời điểm sau khi ra trường khoảng 2-3 năm đối với nữ và 5-6 năm đối với nam. Điều này thể hiện quan điểm rất thực tế của sinh viên về hôn nhân, vì lúc đó, bản thân sinh viên đã phát triển đầy đủ và trưởng thành về mặt sinh lý cũng như tâm lý, lại ra trường

được một thời gian nhất định để có thể ổn định được công việc và đảm bảo được kinh tế - một hành trang cơ bản cho sự bền vững cho cuộc sống gia đình sau này.

Bên cạnh định hướng về độ tuổi kết hôn, trong nghiên cứu này, sinh viên còn thể hiện rõ quan điểm của mình về người quyết định cuộc hôn nhân trong tương lai. Nếu trong xã hội Việt Nam truyền thống, việc hôn nhân là do cha mẹ sắp đặt, “cha mẹ đặt đâu, con ngồi đấy” vì “Áo mặc sao qua khỏi đâu”, con cái không có tiếng nói trong việc quyết định cuộc hôn nhân của mình, thì ngày nay, quan niệm này ở thế hệ trẻ đã thay đổi như thế nào?



Hình 1. Quan niệm của sinh viên về người quyết định cuộc hôn nhân trong tương lai

Số liệu thống kê ở hình 1 cho thấy, có đến 42,1% sinh viên cho rằng bản thân họ sẽ quyết định hoàn toàn cuộc hôn nhân trong tương lai, bố mẹ chỉ chiếm tỉ lệ rất nhỏ trong việc quyết định đời sống lứa đôi của họ. Nhưng đáng chú ý là có đến gần một nửa (49,4%) số sinh viên được hỏi trả lời rằng họ sẽ quyết định cuộc hôn nhân trong tương lai của mình nhưng có sự tham khảo ý kiến của bố mẹ. Đây là một nét đặc trưng trong việc sắp xếp hôn nhân của giới trẻ hiện nay, đó là sự tăng lên vai trò chủ động của các cá nhân trong việc quyết định cuộc sống gia đình của họ. Ngày nay, xu hướng chung là đại đa số các trường hợp con cái tự lựa chọn người làm vợ, làm chồng sau đó về báo cáo với cha mẹ. Sự tham gia bàn bạc của cha mẹ chủ yếu có tính chất tư vấn chứ không mang ý nghĩa ép buộc. Đó là phương án tốt nhất kết hợp được lợi ích cá nhân và sự mong muốn của gia đình trong việc hình thành gia đình mới để trong khi đảm bảo sự tự do cá nhân nhưng vẫn duy trì được mối quan hệ mật thiết với gia đình lớn [5, tr.10]. Thông tin thu được từ phỏng vấn sâu cũng cho thấy rõ: “Sau này lấy ai thì chắc chắn em phải là người tự lựa chọn. Hạnh phúc của mình phải do mình tự quyết định. Tuy nhiên, em cũng sẽ tham khảo thêm ý kiến của ba mẹ về người vợ mà mình chọn” (Sinh viên nam, năm 4, Công nghệ thông tin).

2.2. Sự định hướng của sinh viên về những tiêu chuẩn cụ thể của người bạn đời tương lai

Để tìm hiểu định hướng của sinh viên về những tiêu chuẩn cụ thể của người bạn đời tương lai, tác giả đã tiến hành đo lường qua 5 chỉ báo: ngoại hình, trình độ học

vấn, nghề nghiệp và thu nhập, gia đình, tính cách và phẩm chất đạo đức mà sinh viên mong muốn, kỳ vọng về người vợ/chồng trong tương lai.

** Tiêu chuẩn về tính cách và phẩm chất đạo đức*

Trong xã hội trước đây, phần lớn các cuộc hôn nhân thường do cha mẹ sắp đặt, việc lựa chọn bạn đời cũng phải do gia đình hai bên quyết định. Do đó, sự lựa chọn trong hôn nhân thực chất là chọn con dâu, con rể theo một số tiêu chí của cha mẹ như “dâu hiền, rể thảo”. Trong quan hệ vợ chồng, vai trò giới truyền thống cũng rất được kỳ vọng: người chồng được mong đợi là một người chủ gia đình, gương mẫu, có sức khỏe, năng động, quyết đoán, làm kinh tế giỏi; còn người phụ nữ được mong đợi là người diu dàng, hiền thực, nết na, đảm đang tháo vát việc nhà, biết hy sinh cho chồng con... [1, tr. 63]. Vậy liệu những mong đợi về vai trò truyền thống của người vợ, người chồng như vậy có còn tồn tại trong sinh viên - một bộ phận giới trẻ hiện nay hay không?

Bảng 2. Tiêu chuẩn của sinh viên về tính cách và phẩm chất đạo đức của người bạn đời tương lai

Tính cách và phẩm chất đạo đức	Nam		Nữ		Chung	
	Tỉ lệ (%)	Thứ tự	Tỉ lệ (%)	Thứ tự	Tỉ lệ (%)	Thứ tự
Tâm lý, biết quan tâm, chia sẻ	87,2	1	84,7	1	85,8	1
Có lòng bao dung, vị tha	49,5	4	41,1	5	45,1	4
Có lý tưởng, ý chí phấn đấu	35,8	6	58,9	4	48,1	3
Chân thành, chung thủy	79,8	2	71	3	75,1	2
Chín chắn, điềm đạm	22,9	9	33,1	6	28,3	6
Lạc quan, có tính hài hước	26,6	7	28,2	8	27,5	7
Hiền lành, chăm chỉ	46,8	5	30,6	7	38,2	5
Có trách nhiệm với gia đình	73,4	3	76,6	2	75,1	2
Có cá tính	15,6	10	9,7	10	12,4	9
Có đức hy sinh	23,9	8	11,3	9	17,2	8

Kết quả phân tích định lượng bảng 2 đã cho thấy, ba tính cách và phẩm chất đạo đức được sinh viên lựa chọn nhiều nhất ở người bạn đời tương lai là: “tâm lý, biết quan tâm, chia sẻ”(85,8%); “chân thành, chung thủy” (75,1%), và “có trách nhiệm với gia đình” (75,1%). Đây là những phẩm chất tốt, rất cần thiết của cả người vợ lẫn người chồng để đảm bảo hạnh phúc của hôn nhân và sự bền vững của cuộc sống gia đình sau này. Sự lựa chọn này ở sinh viên nam và sinh viên nữ hầu như không có sự khác biệt đáng kể khi xử lý theo nhóm giới tính. Như vậy, phân tích những giá trị về tính cách và phẩm chất đạo đức nằm trong định hướng hôn nhân của sinh viên cho thấy, sinh viên Trường Đại học Khoa học đã xác định được những giá trị cần có ở người bạn đời khá rõ ràng. Họ đề cao và coi trọng những phẩm chất tốt đẹp của người vợ, người chồng tương lai nhằm hướng đến sự cam kết tình yêu giữa hai người và cũng là những nhân tố rất cơ bản tạo nên tính bền vững của một cuộc hôn nhân hạnh phúc.

* Tiêu chuẩn về nghề nghiệp và thu nhập

Để đảm bảo một cuộc hôn nhân bền vững, ngoài việc chú ý đến những đặc điểm về tính cách và phẩm chất đạo đức, sinh viên còn rất quan tâm đến nghề nghiệp và thu nhập của người bạn đời tương lai.

Bảng 3. Tiêu chuẩn của sinh viên về nghề nghiệp và thu nhập của người bạn đời tương lai (đơn vị %)

		Nam	Nữ	Chung
Nghề nghiệp	Cùng nghề nghiệp với bạn	1,8	3,2	2,6
	Có liên quan đến nghề nghiệp với bạn	2,8	1,6	2,1
	Khác nghề nghiệp với bạn	4,6	1,6	3
	Nghề nghiệp ổn định	65,2	81,5	73,8
	Không quan tâm đến nghề nghiệp	25,7	12,1	18,5
Thu nhập	Thu nhập nhiều hơn bạn	13,8	80,6	49,4
	Thu nhập bằng bạn	27,5	4,8	15,5
	Thu nhập ít hơn bạn	4,6	0,8	2,6
	Không quan tâm đến thu nhập	54,1	13,7	32,6
Tổng		100	100	100

Số liệu ở bảng 3 cho thấy, đa số sinh viên coi trọng *tính chất ổn định của công việc* (73,8%) và mức *thu nhập nhiều hơn mình* của người bạn đời tương lai (49,4%). Rõ ràng, khi lấy nhau, nếu cả vợ và chồng có công ăn việc làm ổn định, thu nhập khá là một yếu tố rất thuận lợi để đảm bảo và duy trì cuộc sống gia đình, nhất là trong bối cảnh hiện nay nhiều mâu thuẫn, xích mích giữa vợ chồng, thậm chí dẫn đến ly hôn có nguyên nhân xuất phát từ những khó khăn về kinh tế. Khi phân theo giới tính đã cho thấy có sự khác biệt đáng kể giữa nam và nữ sinh viên về những tiêu chuẩn liên quan đến nghề nghiệp và thu nhập. Đối với sinh viên nữ, có đến 81,3% ý kiến cho rằng, nghề nghiệp ổn định là điều kiện rất quan trọng cần có ở người chồng tương lai và cũng có đến 80,6% đồng ý rằng, họ sẽ chọn người bạn đời tương lai có thu nhập nhiều hơn mình. Với sinh viên nam thì kỳ vọng về người vợ tương lai có khác biệt chút ít, có 65,2% nam mong muốn người bạn đời có nghề nghiệp ổn định nhưng chỉ có 13,8% đặt ra tiêu chuẩn thu nhập cao hơn mình đối với người vợ tương lai. Rõ ràng, quan niệm giới truyền thống về đàn ông phải là người trụ cột gia đình, chồng phải biết kiếm tiền giỏi hơn vợ vẫn còn ảnh hưởng phần nào trong quan niệm chọn vợ, chọn chồng của sinh viên hiện nay. Sinh viên nam có xu hướng không đặt nặng vai trò kinh tế lên người vợ vì họ coi đó là trách nhiệm của bản thân, cùng với đó, hầu hết sinh viên nữ đều muốn tìm cho mình một người chồng tương lai không những tâm lý, chung thủy, có trách nhiệm với gia đình mà còn biết kiếm tiền để là chỗ dựa về kinh tế cho vợ, con sau này. “*Em mong muốn người chồng tương lai của em sau này có một công việc dù bận rộn cũng được nhưng thu nhập cao hơn em để có thể gánh vác kinh tế của gia đình, còn em thu*

nhập có thể sẽ ít hơn nhưng em lại có thời gian để chăm sóc cho gia đình” (Sinh viên nữ, năm 1, Công tác xã hội)

** Tiêu chuẩn về trình độ học vấn*

Trình độ học vấn cũng là một trong số những tiêu chuẩn quan trọng được tác giả đưa ra để đo lường sự quan tâm từ phía sinh viên khi họ lựa chọn người bạn đời tương lai.

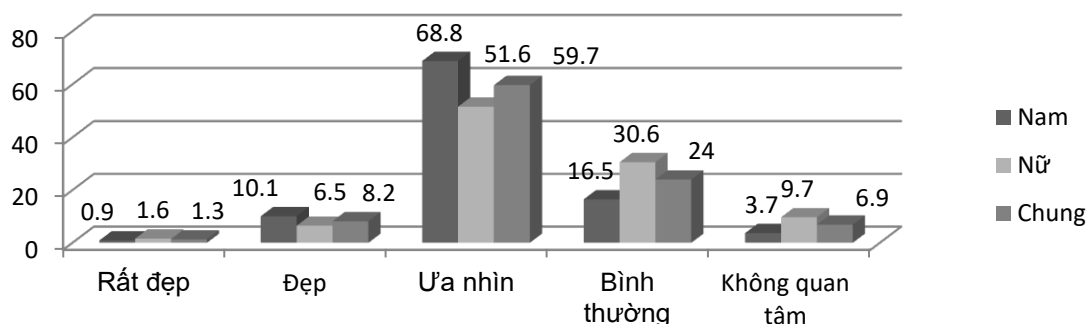
Bảng 4. Tiêu chuẩn của sinh viên về trình độ học vấn của người bạn đời tương lai

Trình độ học vấn	Nam		Nữ		Chung	
	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Bằng trình độ học vấn của bạn	25	22,9	35	28,2	60	25,8
Có thể thấp hơn trình độ học vấn của bạn	20	18,3	6	4,8	26	11,2
Cao hơn trình độ học vấn của bạn	8	7,3	38	30,6	46	19,7
Không quan tâm đến trình độ học vấn	56	51,4	45	36,3	161	43,3
Tổng	109	100	124	100	233	100

Kết quả xử lý số liệu ở bảng 4 cho thấy, có 43,3% sinh viên trả lời là “không quan tâm đến trình độ học vấn của người bạn đời tương lai” và 25,8% cho rằng họ sẽ lựa chọn “người bạn đời tương lai phải có trình độ học vấn ngang bằng với mình”. Tỷ lệ lựa chọn trình độ học vấn cao hơn và thấp hơn lần lượt là 19,7% và 11,2%. Điều này đã cho thấy một sự thay đổi trong tiêu chuẩn về trình độ học vấn, các bạn trẻ hiện nay dường như không đặt nặng nhiều đến học vấn, bằng cấp mà chú ý nhiều đến hiệu quả công việc, bởi phải chăng họ xác định rằng, trình độ thể hiện qua bằng cấp không đồng nghĩa với có một công việc ổn định, mức thu nhập khá để có thể trang trải cho cuộc sống gia đình sau này. Khi phân tích theo giới tính đã cho thấy có sự khác nhau rất rõ giữa sinh viên nam và nữ trong việc đánh giá trình độ học vấn của người bạn đời tương lai. Có 36,3% các bạn nữ sinh viên cho rằng họ không quan tâm đến trình độ học vấn của người bạn đời tương lai nhưng con số này ở nam sinh viên lại lên đến 51,4%. Đặc biệt, có đến 30,6% các bạn nữ sinh viên muốn tìm một người chồng tương lai có trình độ học vấn cao hơn mình nhưng con số này ở nam sinh viên chỉ có 7,3%. Rõ ràng, xét dưới khía cạnh tương quan giới cho thấy, sinh viên nữ đánh giá cao về tiêu chuẩn học vấn ở người bạn đời nhiều hơn là sinh viên nam. Ở đây cũng đã cho thấy quan niệm truyền thống “đàn ông phải hơn vợ một cái đầu” dường như vẫn còn có ảnh hưởng nhất định đến xu hướng lựa chọn bạn đời tương lai trong sinh viên.

** Tiêu chuẩn về ngoại hình*

Song song với những giá trị bên trong thì tiêu chuẩn về hình thức bên ngoài cũng chiếm một tỉ lệ khá lớn trong định hướng của sinh viên về người bạn đời tương lai.



Hình 2. Tiêu chuẩn của sinh viên về ngoại hình của người bạn đời tương lai (đơn vị %)

Tình yêu thường bắt đầu từ những cảm xúc về mặt giới tính. Vì vậy, ngoại hình cũng luôn là một trong những tiêu chí quan trọng để lựa chọn người bạn đời. Số liệu ở hình 2 cho thấy, sinh viên có thể hiện sự quan tâm đến ngoại hình của người bạn đời: hầu hết họ muốn người bạn đời của mình có vẻ bề ngoài ưa nhìn (59,7%), cũng có tới 24% người mong muốn bạn đời của mình có ngoại hình bình thường, không cần phải thật đẹp hay thu hút, có 9,5% sinh viên có xu hướng lựa chọn người bạn đời xinh đẹp, quyến rũ và chỉ có 6,9% người là không hề quan tâm đến ngoại hình bên ngoài, chỉ cần hai người yêu nhau là được. Như vậy, có thể khẳng định, tiêu chuẩn về ngoại hình của người vợ hay người chồng tương lai được sinh viên khá đề cao. Rõ ràng, trong bối cảnh giới trẻ ngày càng được tự do tìm hiểu và lựa chọn trong hôn nhân, có điều kiện bộc lộ tình yêu và tình cảm cá nhân thì sắc đẹp là một trong những yếu tố có sức hấp dẫn đối với số đông thanh niên. Lý giải cho điều này, ta có thể quay trở lại với nhận định rằng: tình yêu xuất phát từ cảm xúc về mặt giới tính. Bất cứ ai cũng đều mong muốn người yêu, người bạn đời của mình có ngoại hình ưa nhìn, để miễn để mọi người xung quanh chú ý tới và có thiện cảm. Tuy nhiên, đánh giá tiêu chuẩn này theo giới tính lại cho thấy một số điểm khác biệt khá thú vị giữa nam và nữ sinh viên. Trong khi có đến 11% nam sinh viên cho rằng phải lựa chọn bạn đời có hình thức bề ngoài xinh đẹp, cuốn hút và 68,8% lựa chọn ngoại hình ưa nhìn thì chỉ có 8,1% nữ sinh viên chọn bạn đời có ngoại hình đẹp và 51,6% có vẻ ngoài ưa nhìn. Trong xã hội truyền thống, cha mẹ vẫn là người lựa chọn hôn nhân cho con cái, cưới vợ cho con phải là người có khả năng duy trì nề nếp, gia phong của gia đình, nên tiêu chuẩn đặt ra là người phải có đủ “*công, dung, ngôn, hạnh*”. Khi xã hội biến đổi, hình thức tự do lựa chọn và tìm hiểu ngày càng phổ biến nhưng nam giới vẫn chủ động chọn một người phụ nữ có dung nhan, vẻ đẹp bên ngoài để kết hôn. Vì lẽ đó, mà đa phần nam thanh niên đều mong chọn được một người “*vừa đẹp người, vừa đẹp nết*” về làm vợ, như vậy sẽ thuận lợi cho cả việc gia đình lẫn việc xã hội [6, tr. 29]. Ở đây có thể thấy, quan niệm truyền thống

“gái tham tài, trai tham sắc” hay “gái yêu bằng tai, trai yêu bằng mắt” vẫn còn duy trì phần nào trong ý thức của sinh viên trong lựa chọn người bạn đời mà họ sẽ chung sống.

**Tiêu chuẩn về gia đình*

Bên cạnh những định hướng về giá trị cá nhân, nghiên cứu còn muốn tìm hiểu thêm những tiêu chuẩn về gia đình người bạn đời tương lai của sinh viên Trường Đại học Khoa học.

Bảng 5. Tiêu chuẩn của sinh viên về gia đình của người bạn đời tương lai

Đặc điểm gia đình	Nam		Nữ		Chung	
	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Gia đình nề nếp, gia giáo	25	22,9	26	21,0	51	21,9
Gia đình khá giả	4	3,7	9	7,3	13	5,6
Gia đình có địa vị xã hội cao	2	1,8	4	3,2	0,6	2,6
Gia đình có lối sống tự do, thoải mái, ít lễ nghi	27	24,8	41	33,1	6,8	29,2
Gia cảnh tương đồng với gia đình bạn	37	33,9	33	26,6	70	30
Không quan tâm về gia đình của người bạn đời tương lai	14	12,8	11	8,9	25	10,7
Tổng	109	100	124	100	233	100

Kết quả xử lý số liệu định lượng ở bảng 5 cho thấy, gia đình của người bạn đời tương lai cũng là một tiêu chuẩn khá quan trọng trong định hướng hôn nhân của sinh viên Trường Đại học Khoa học. Trong đó, sinh viên mong muốn gia đình của người bạn đời tương lai có sự *tương đồng với gia đình mình* chiếm tỷ lệ cao nhất (30%); tiếp đến là “*gia đình tự do, thoải mái, ít lễ nghi*” (29,2%) và thứ ba là “*gia đình nề nếp, gia giáo*” (21,9%). Những tiêu chuẩn về gia đình khá giả và gia đình có địa vị xã hội cao ít được sinh viên lựa chọn. Như vậy, trong những tiêu chuẩn về gia đình của người bạn đời, đa số sinh viên đều hướng đến sự tương đồng về gia cảnh và những chuẩn mực, phép tắc hơn là yếu tố kinh tế, vị thế của gia đình người bạn đời tương lai. Ở đây, có một điều cho thấy quan niệm truyền thống về “*môn đăng hộ đối*” vẫn còn có ý nghĩa trong sự cân nhắc hôn nhân của sinh viên. Người xưa cho rằng, khi trai gái đến với nhau, điều kiện kinh tế, địa vị xã hội của hai bên có sự tương đồng, thì hôn nhân mới phù hợp, hạnh phúc. Ngày nay, “*môn đăng hộ đối*” không chỉ là địa vị, tiền tài mà còn là suy nghĩ, nếp sống, học thức... của hai gia đình. Quan niệm này hiện vẫn có những điểm hợp lý bởi vì khi kết hôn với những người có hoàn cảnh giống với gia đình mình thì các cặp vợ chồng sẽ dễ tìm tiếng nói chung, dễ hiểu và thông cảm cho nhau hơn, bớt đi những mâu thuẫn, xích mích do khác biệt về nhân sinh quan, về văn hóa, lối sống mang lại. So sánh tỷ lệ nam và nữ sinh viên lựa chọn các tiêu chuẩn liên quan đến gia đình người bạn đời cho thấy một số khác biệt. Cụ thể, sinh viên nam mong muốn

người bạn đời tương lai có gia cảnh tương đồng với gia đình mình chiếm tỷ lệ cao nhất (33,7%), tuy nhiên, sinh viên nữ lại mong muốn tìm một người bạn đời tương lai mà gia đình có lối sống tự do, thoải mái, ít lễ nghi chiếm tỷ lệ cao nhất (33,1%). Với truyền thống của văn hóa Việt Nam, sau khi kết hôn, người con gái thường chung sống lâu dài với gia đình nhà chồng, còn nếu ở riêng thì cũng được kỳ vọng phải làm tròn bổn phận dâu, con trong gia đình chồng. Do đó, sinh viên nữ khi lựa chọn người bạn đời tương lai thường kỳ vọng gia đình chồng có lối sống thoải mái, tự do để hạn chế nảy sinh những mâu thuẫn, xung đột trong quá trình chung sống về sau. *“Lấy chồng thì phải có mối quan hệ với gia đình nhà chồng nên em mong muốn sau này gia đình người chồng tương lai của em ít đặt ra các chuẩn mực, phép tắc, không xét nét con dâu để mọi người có được sự thoải mái trong cuộc sống, chứ sống như kiểu mẹ chồng trong phim ‘Mẹ chồng nàng dâu’ mới chiều trên tivi đó chắc em sống không nổi quá (cười)”* (Sinh viên nữ, năm 4, Khoa học môi trường).

3. KẾT LUẬN

Các bạn trẻ - sinh viên khi bước vào tuổi yêu và tuổi kết hôn không phải bao giờ cũng có ngay một bảng tiêu chuẩn rõ ràng và cứng nhắc cho sự lựa chọn bạn đời của mình. Rất nhiều yếu tố ngẫu nhiên cũng với những đặc điểm tâm lý trong tình yêu chi phối sự lựa chọn của họ, song không vì thế việc nhân duyên là do số phận và hoàn toàn là sự tình cờ. Những số liệu và minh chứng trên đây đã chỉ ra rằng, sinh viên Trường Đại học Khoa học luôn có những định hướng giá trị trong lĩnh vực hôn nhân, họ thực sự suy nghĩ, đắn đo và lựa chọn, định hướng đó được xây dựng trên nhiều yếu tố liên quan. Sinh viên cho rằng độ tuổi trung bình phù hợp để kết hôn ở nam giới là 27,3 và nữ giới là 24,3. Mô hình quyết định hôn nhân phổ biến là cha mẹ và con cái cùng quyết định dưới hình thức *“con cái quyết định có sự tham khảo ý kiến của bố mẹ”*. Về những định hướng cụ thể liên quan đến người bạn đời tương lai, nghiên cứu cũng đã cho thấy có đến hơn một nửa số sinh viên không quan tâm lắm đến trình độ học vấn của người bạn đời tương lai, tuy nhiên, tỷ lệ khá cao sinh viên khi được hỏi đều mong muốn người bạn đời tương lai của mình có công việc ổn định và gần một nửa sinh viên kỳ vọng mức thu nhập của người vợ/chồng tương lai cao hơn họ. Về tích cách và phẩm chất đạo đức của người bạn đời tương lai, hầu hết sinh viên đều mong muốn người vợ/chồng tương lai của mình có được ba phẩm chất quan trọng, đó là *“tâm lý, biết quan tâm, chia sẻ”, “chung thủy”* và *“có trách nhiệm với gia đình”*. Bên cạnh đó, phần lớn sinh viên đều mong muốn người bạn đời tương lai có ngoại hình không cần quá xinh đẹp nhưng phải ưa nhìn. Ngoài ra, sự tương đồng trong văn hóa, lối sống, hoàn cảnh gia đình cũng là một tiêu chuẩn mà sinh viên cũng khá lưu tâm đến khi lựa chọn bạn đời tương lai.

Tóm lại, dưới tác động mạnh mẽ của bối cảnh mới, trong xu thế tự chủ, quan niệm của thanh niên - sinh viên về hôn nhân đã có sự thay đổi theo hướng tích cực, chủ động và tự chịu trách nhiệm, đặc điểm cá nhân ngày càng được quan tâm hơn trong các lựa chọn. Tuy nhiên, yếu tố gia đình và một số những quan niệm hôn nhân truyền thống vẫn còn được bảo lưu và ảnh hưởng đến những định hướng về hôn nhân của sinh viên. Điều này cũng đã cho thấy những điểm hợp lý, đúng mức, gắn với lối sống và bối cảnh xã hội nước ta hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Mai Kim Châu (1983), Những giá trị định hướng việc hôn nhân của thanh niên, *Tạp chí Xã hội học*, số 4-1983, tr. 62 – 69
- [2]. Hà Thị Minh Khương (2010), Thanh thiếu niên và các giá trị về tình yêu, hôn nhân và cách ứng xử trong cuộc sống, *Tạp chí nghiên cứu Gia đình và giới*, Số 3-2010, tr. 54 – 67
- [3]. Nguyễn Hữu Minh (2008), Khuôn mẫu lựa chọn bạn đời ở Việt Nam: truyền thống và biến đổi, *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ 3*, Hà Nội, tr. 440 – 462.
- [4]. Nguyễn Đình Nghiệp (2016), “Tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời của thanh niên nông thôn hiện nay và các nhân tố ảnh hưởng (nghiên cứu trường hợp tại xã Nam Chính, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương)”, Luận văn Thạc sĩ, chuyên ngành Xã hội học, Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.
- [5]. Lê Thi (2009), Hoàn cảnh tìm hiểu bạn đời và kết hôn của thế hệ trẻ hiện nay, *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và giới*, Số 3-2009, tr. 3 - 11
- [6]. Lê Ngọc Văn (2007), Mô hình tìm hiểu và quyết định hôn nhân ở nông thôn Việt Nam thời kỳ đổi mới, *Tạp chí Xã hội học*, số 3-2007, tr. 24 – 36

STUDENT'S VALUE PREFERENCE TOWARDS LOVE AND MARRIAGE AT UNIVERSITY OF SCIENCES, HUE UNIVERSITY

Vo Nu Hai Yen

Faculty of Sociology, University of Sciences, Hue University

Email: haiyen.xhh@gmail.com

ABSTRACT

As a part of the research project "Students' value preference towards love and marriage at University of Science, Hue University ", conducted in 2018, the paper focuses on analyzing the student's perception of marriageable age and the actors mainly deciding a marriage; preferences towards particular criteria of future fiancés/fiancées such as socioeconomic status of household, level of education, occupations, income, appearance, morals and personality. The results show that students of the university have obvious value preferences towards their future partner, which differs in terms of gender. In addition to the novel perceptions of on love, marriage, and family, the study also points out that traditional values of love and marriage have been remaining among the students, on which a suitable system of values of future partners are built.

Keywords: marriage, students, value preferences.



Võ Nữ Hải Yến sinh ngày 25/4/1984 tại Quảng Trị. Bà nhận bằng cử nhân Xã hội học năm 2008 tại trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh và bằng thạc sĩ Xã hội học năm 2014 tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội. Hiện bà đang công tác tại Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Lịch sử Xã hội học; Xã hội học Gia đình; Xã hội học Giới và phát triển.

